

**DỰ KIẾN CÁC ĐƠN VỊ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON
CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ (Xã/phường/đặc khu)	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi năm 2024 2025	Dự kiến năm đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
1	Đặc khu Kiên Hải	85,61		x				
2	Đặc khu Phú Quốc	85,64		x				
3	Đặc khu Thổ Châu	95,00			x			
4	Xã Đông Thái	85,34			x			
5	Xã An Biên	86,77			x			
6	Xã Giồng Riềng	89,23			x			
7	Xã Long Thạnh	89,56			x			
8	Xã Hòa Thuận	89,40			x			
9	Xã Tân Hội	89,42			x			
10	Xã Tân Hiệp	85,40			x			
11	Xã Hòa Điền	87,50			x			
12	Xã Kiên Lương	87,16			x			
13	Phường Rạch Giá	87,46			x			
14	Phường Long Xuyên	81,40			x			
15	Phường Chi Lăng	82,50			x			
16	Xã Vĩnh Trạch.	80,50			x			
17	Xã An Phú	83,43			x			
18	Xã Vĩnh Hòa	83,50			x			
19	Xã U Minh Thượng.	84,16			x			
20	Xã Vĩnh Hòa Hưng	82,27			x			
21	Xã Thạnh Hưng	81,29			x			
22	Xã Sơn Kiên	80,00			x			
23	Xã Giang Thành	81,72			x			
24	Xã Vĩnh Điều	83,58			x			
25	Phường Châu Đốc	75,00			x			

TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ (Xã/phường/đặc khu)	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi năm 2024 2025	Dự kiến năm đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
26	Phường Vĩnh Tế	74,00			x			
27	Phường Thới Sơn	76,21			x			
28	Phường Tân Châu.	79,50			x			
29	Phường Long Phú.	71,63			x			
30	Phường Hà Tiên	77,82			x			
31	Phường Tô Châu	76,83			x			
32	Xã An Cư	75,20			x			
33	Xã Núi Cấm	78,78			x			
34	Xã Ba Chúc.	76,51			x			
35	Xã Gò Quao	76,68			x			
36	Xã Hòa Hưng	78,87			x			
37	Xã Ngọc Chúc	78,57			x			
38	Xã Hòn Đất	77,95			x			
39	Xã Mỹ Thuận	76,19			x			
40	Xã Bình Giang	78,82			x			
41	Xã Bình Sơn	78,00			x			
42	Xã Tây Phú	71,00			x			
43	Xã Phú Hữu	72,35			x			
44	Xã An Châu	70,54			x			
45	Xã Tri Tôn	70,37			x			
46	Xã Thoại Sơn	73,90			x			
47	Xã Phú Tân	73,60			x			
48	Xã Hòa Lạc	71,70			x			
49	Xã Vĩnh Xương	70,04			x			
50	Xã Tây Yên	77,61			x			
51	Xã Thạnh Đông	73,45			x			
52	Xã Thạnh Lộc	70,00			x			
53	Xã Bình An	74,72			x			
54	Xã Vĩnh Bình	72,02			x			

TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ (Xã/phường/đặc khu)	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi năm 2024 2025	Dự kiến năm đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
55	Xã Hòn Nghệ	70,00			x			
56	Xã Sơn Hải	71,90			x			
57	Xã Tiên Hải	74,40			x			
58	Phường Bình Đức	68,40			x			
59	Phường Mỹ Thới	69,10			x			
60	Phường Tịnh Biên	68,00			x			
61	Phường Vĩnh Thông	69,53			x			
62	Xã Mỹ Hoà Hưng	66,90				x		
63	Xã Bình Hòa.	61,00				x		
64	Xã Cần Đăng	65,70				x		
65	Xã Vĩnh Hanh	68,00				x		
66	Xã Vĩnh An	68,55				x		
67	Xã Mỹ Đức	62,56				x		
68	Xã Bình Mỹ	60,46				x		
69	Xã Ô Lâm	63,14				x		
70	Xã Cô Tô	63,39				x		
71	Xã Vĩnh Gia	68,60				x		
72	Xã Óc Eo	61,46				x		
73	Xã Định Mỹ	61,22				x		
74	Xã Chợ Mới	64,70				x		
75	Xã Cù Lao Giêng	60,30				x		
76	Xã Long Kiến	63,10				x		
77	Xã Phú An	66,70				x		
78	Xã Bình Thạnh Đông	68,01				x		
79	Xã Chợ Vàm.	69,37				x		
80	Xã Phú Lâm	67,00				x		
81	Xã Tân An	63,85				x		
82	Xã Châu Phong	64,04				x		
83	Xã Vĩnh Hậu	62,56				x		

TT	ĐƠN VỊ CẤP XÃ (Xã/phường/đặc khu)	Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo 3 đến 5 tuổi năm 2024 2025	Dự kiến năm đạt chuẩn phổ cập mẫu giáo					Ghi chú
			2026	2027	2028	2029	2030	
84	Xã Nhơn Hội	60,85				x		
85	Xã Khánh Bình	67,00				x		
86	Xã Vĩnh Thuận	67,56				x		
87	Xã Vĩnh Phong	68,30				x		
88	Xã Tân Thạnh	61,60				x		
89	Xã Vân Khánh	63,60				x		
90	Xã Định Hòa	64,53				x		
91	Xã Vĩnh Tuy	69,00				x		
92	Xã Châu Thành	69,78				x		
93	Xã Châu Phú	59,91					x	
94	Xã Vĩnh Thạnh Trung	55,99						x
95	Xã Phú Hòa.	59,79						x
96	Xã Hội An	58,60						x
97	Xã Long Điền	56,50						x
98	Xã Nhơn Mỹ	58,20						x
99	Xã Đông Hòa.	57,00						x
100	Xã Đông Hưng	59,70						x
101	Xã An Minh	59,44						x
102	Xã Thạnh Mỹ Tây	46,34						x